TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 53/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 27/12/2017
V/v Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Ông Lê Hữu Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Trần Văn Sự – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2017/QĐ-PT, ngày 30 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Cẩm T, sinh năm 1993; cư trú tại: ấp S (nay là ấp T), xã T, huyện T, Tây Ninh – có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Minh M, sinh năm 1987; cư trú tại: ấp S (nay là ấp T), xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: đường T, khu đô thị M, huyện T, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh C – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, chi nhánh huyện T, tỉnh Tây Ninh

(Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên) – Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Lê Cẩm T trình bày:

Chị và Anh Trần Minh M ly hôn theo Quyết định số 100/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân huyện B, tỉnh Tây Ninh. Khi đó chỉ giải quyết về hôn nhân và con chung, về tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung gồm có:

01 xe Yamaha Exciter biển số 70H1-143.80 đứng tên Trần Minh Mẫn, mua vào năm 2013 giá 41.000.000 đồng, tiền mua xe từ nguồn tiền tiết kiệm của chị và anh M.

02 chỉ vàng 24K 9999, 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 18K, mua vào năm 2016, hiện do anh M đang giữ. Nguồn tiền mua vàng do chị và anh M vay Ngân hàng N – chi nhánh huyện T, tỉnh Tây Ninh 40.000.000 đồng để trồng trọt nhưng thua lỗ nên số tiền còn lại anh, chị dùng để mua vàng.

01 phần đất diện tích 4.184 m^2, thuộc tờ bản đồ số 30, thửa số 834, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04013 ngày 29 tháng 6 năm 2015 cho Chị Lê Cẩm T và Anh Trần Minh M. Nguồn gốc đất do chị và anh M nhận chuyển nhượng với giá 270.000.000 đồng. Hiện tại trên đất không trồng gì.

Nay chị yêu cầu chia đôi tài sản chung, không yêu cầu chia tài sản đang trồng trên đất.

Về nợ chung: Vào năm 2016, chị và anh M có vay Ngân hàng N – chi nhánh huyện T, tỉnh Tây Ninh số tiền 40.000.000 đồng, 03 tháng trả tiền lãi 01 lần, hiện tại anh M đã trả tiền lãi. Ngoài ra, chị và anh M không còn khoản nợ chung nào. Chị yêu cầu chia đôi nợ chung. Chị Lê Cẩm T yêu cầu được nhận phần đất, trả nợ Ngân hàng, sau đó hoàn trả anh M giá trị tài sản chênh lệch.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Anh Trần Minh M trình bày:

Anh và Chị Lê Cẩm T trong thời kỳ hôn nhân có những tài sản sau:

01 xe Yamaha Exciter biển số 70H1-143.80 đứng tên Trần Minh Mẫn. Nguồn tiền mua xe do anh và chị T tiết kiệm được.

01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24K 9999 và 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 18K do anh và chị T mua. Anh đã bán trong thời kỳ anh và chị T sống ly thân.

01 phần đất diện tích 4.184 m^2, thuộc tờ bản đồ số 30, thửa số 834, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04013 ngày 29 tháng 6 năm 2015 cho Chị Lê Cẩm T và Anh Trần Minh M. Giá chuyển nhượng 270.000.000

đồng. Trên đất hiện tại không trồng cây gì, lúc trước có trồng khổ qua nhưng đã thu hoạch.

Về nợ chung: Anh thống nhất với chị T về khoản nợ Ngân hàng N – chi nhánh huyện T, tỉnh Tây Ninh số tiền 40.000.000 đồng. Anh đã trả tiền lãi Ngân hàng số tiền 1.483.277 đồng, làm tròn 1.483.000 đồng. Ngoài ra, anh và chị T còn nợ cha mẹ anh là ông Trần Văn Tiện và bà Phạm Thị Thu Yến 9,5 chỉ vàng 24K, 05 chỉ vàng 18K và số tiền 25.000.000 đồng.

Do chị T không thống thừa nhận số nợ của cha mẹ anh nên anh không thống nhất số vàng là tài sản chung và không đồng ý chia tài sản chung. Anh Trần Minh M thống nhất tài sản chung gồm có 01 phần đất (hiện tại đất trống, không trồng gì), xe và vàng, thống nhất nợ Ngân hàng. Anh M yêu cầu hai vợ chồng trả nợ cha mẹ anh. Anh yêu cầu chia đôi tài sản, đối với phần đất anh yêu cầu chia đôi đất mỗi người nhận một nửa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng N - Đại diện theo ủy quyền – Ông Hoàng Minh C trình bày:

Ngày 21/11/2016, Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng với Anh Trần Minh M và Chị Lê Cẩm T. Anh M nhận tiền 02 lần: lần thứ 1 ngày 22/11/2016, nhận số tiền 20.000.000 đồng, lần thứ 02 nhận số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng 40.000.000 đồng. Khoản nợ ngày 22/11/2016 lãi suất 9,8%/năm, mục đích vay: tiêu dùng gia đình, thời hạn trả nợ ngày 21/11/2017; khoản nợ ngày 18/01/2017 lãi suất 8,7%/năm, mục đích vay: chăn nuôi bò, thời hạn trả nợ ngày 16/01/2018 lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi trong hạn. Phương thức trả lãi 06 tháng/lần. Hiện tại khoản nợ 40.000.000 đồng chưa trả gốc, đã trả tiền lãi đến ngày 21/5/2017 được 1.483.277 đồng (làm tròn 1.483.000 đồng). Ngân hàng Ngân hàng không làm đơn khởi kiện Chị Lê Cẩm T và Anh Trần Minh M nhưng không đồng ý về việc chia tài sản chung, nợ chung giữa chị T và anh M.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 219 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 33, 37, 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Cẩm T về "Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn".

1.1 Chia cho Chị Lê Cẩm T được quyền sử dụng các tài sản:

Phần đất diện tích đo đạc thực tế 4.167,7 m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.184 m^2), đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04013 ngày 29/6/2015 do Anh Trần Minh M và Chị Lê Cẩm T đứng tên, đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Tiện dài 76,33 m;

Hướng Tây giáp đất bà Phạm Thị Tươi dài 73.31 m;

Hướng Nam giáp đất ông Trần Văn Tiện, bà Phạm Thị Tươi dài 54,46 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Phạm Văn Thọ dài 59,54 m.

Đất thuộc tờ bản đồ số 30, thửa số 834, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh,

Tổng giá trị tài sản chị T được hưởng là: 100.231.000 đồng.

Chị Lê Cẩm T có trách nhiệm giao cho Anh Trần Minh M được nhận số tiền chênh lệch tài sản chung 65.154.000 đồng.

(Kèm theo Bản án là sơ đồ đất số 82/SĐ-HT ngày 06/7/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đo đạc bản đồ Bình An).

1.2 Chia cho Anh Trần Minh M được quyền sử dụng các tài sản:

01 xe Yamaha Exciter biển số 70H1-143.80 đứng tên Anh Trần Minh M. Xe trị giá 24.600.000 đồng.

- 02 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 18K, hiện anh M đã bán số vàng. Vàng trị giá 11.960.000 đồng.

Anh M được nhận số tiền chênh lệch do chị T giao là 65.154.000 đồng.

Tổng giá trị giá trị tài sản anh M được chia là 100.231.000 đồng.

1.3. Về nợ chung:

Chị Lê Cẩm T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Tây Ninh số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 22/5/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chị Lê Cẩm T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS04013 ngày 29/6/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tây Ninh cấp cho Chị Lê Cẩm T và Anh Trần Minh M sau khi Chị Lê Cẩm T thanh toán xong nợ gốc và lãi.

3. Về chi phí thẩm định, đo đạc định giá tài sản:

Anh Trần Minh M có trách nhiệm hoàn trả cho Chị Lê Cẩm T chi phí thẩm định, đo đạc, định giá 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/9/2017, Anh Trần Minh M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, cho anh nhận lại ½ diện tích 4167,7m^2 để anh có đất làm kinh tế nuôi con chung; anh chịu trách nhiệm trả trả hết nợ ngân hàng do anh là người đứng tên trong hợp đồng vay vốn, chị T phải hoàn trả lại số tiền chênh lệch cho anh.

Ngày 11/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị với nội dung: Phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chị T có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, yêu cầu Ngân hàng hoàn trả lại giấy CNQSDĐ cho anh M và chị T sau khi thanh toán xong nợ là giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự. Mặc khác, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định số tiền lãi trong thời gian từ ngày 22/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm để khấu trừ mà khấu trừ chung số tiền 3.000.000 đồng buộc chị T có trách nhiệm trả lãi là không đảm bảo quyền lợi đương sự. Căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐKNPT- VKS-DS ngày 11/10/2017 của VKSND tỉnh Tây Ninh, kháng nghị hủy bản án sơ thẩm số 45/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của TAND huyện T.

Bản án sơ thẩm buộc chị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 22/5/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đồng thời khấu trừ nợ chung số tiền 30.000.000 đồng để chị T trả lãi Ngân hàng từ ngày 22/5/2017 đến khi thanh toán xong nợ gốc là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự, vi phạm khoản 1 Điều 5 BLTTDS năm 2015, nên VKSND tỉnh Tây Ninh kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/10/2017 Chị Lê Cẩm T đã trả hết số nợ gốc 40.000.000 đồng và 1.612.333 đồng tiền lãi cho Ngân hàng N – chi nhánh Tân Biên, thể hiện tại biên lai thu số 10160043000029, số tiền 20.812.000 đồng (BL136); và biên lai số 10160043000030, số tiền 20.800.333 đồng (BL 137). Do đó, không cần thiết phải hủy án sơ thẩm do vi phạm trên. Nhưng cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng: ghi nhận việc chị T thanh toán tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 1.612.000 đồng cho ngân hàng, chia lại tại tài sản chung, nợ chung và tính lại án phí chia tài sản chung.

Do vậy, căn cứ Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định sửa đổi kháng nghị phúc thẩm số 26/KNPT-DS ngày 11/10/2017, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng: ghi nhận việc chị T thanh toán tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 1.612.000 đồng cho ngân hàng, chia lại tài sản chung, nợ chung và tính lại án phí chia tài sản chung.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 300 BLTTDS năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm số 45/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của TAND huyện T, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nên không xem xét kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Cụ thể, chị T đồng ý giao cho anh M ½ phần đất có diện tích 4.167,7m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.184m^2) đất thửa số 834, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đất được cấp giấy số CS04013 ngày 29/6/2015 do anh M và chị T đứng tên, đất giao cho anh M nằm ở bên trong, đất chia cho chị T nằm ở bên ngoài, anh M có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị T số tiền 38.344.500 đồng (trong đó: Trị giá xe máy và vàng là 18.280.000 đồng và tiền nợ Ngân hàng là 20.064.500 đồng).

Xét thấy sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh cũng đề nghị sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa Chị Lê Cẩm T và Anh Trần Minh M về việc "Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn".

2. Sửa bản án sơ thẩm số 45/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân huyện B, tỉnh Tây Ninh. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia cho Chị Lê Cẩm T được quyền sử dụng các tài sản:

Phần đất diện tích đo đạc thực tế 2.083.8 m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.184 m^2) trong đó có 200 m^2 đất ONT, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04013 ngày 29/6/2015 do Anh Trần Minh M và Chị Lê Cẩm T đứng tên, đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Tiện dài 36.17 m;

Hướng Tây giáp đất bà Phạm Thị Tươi dài 36.37 m;

Hướng Nam giáp đất chia cho Anh Trần Minh M dài 55.68 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Phạm Văn Thọ dài 59,54 m.

Đất thuộc tờ bản đồ số 30, thửa số 834, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị T được nhận số tiền chêch lệch chia tài sản do anh M giao là 18.280.000 đồng và tiền chị T trả nợ Ngân hàng anh M có trách nhiệm giao lại chị T số tiền 20.064.500 đồng.

(Kèm theo Bản án là sơ đồ đất số 82/SĐ-HT ngày 06/7/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đo đạc bản đồ Bình An).

2.2 Chia cho Anh Trần Minh M được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản:

Phần đất diện tích đo đạc thực tế 2.083.9 m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.184 m^2) trong đó có 200 m^2 đất ONT, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04013 ngày 29/6/2015 do Anh Trần Minh M và Chị Lê Cẩm T đứng tên, đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Tiện dài 36.72 m;

Hướng Tây giáp đất bà Phạm Thị Tươi dài 34.26 m;

Hướng Nam giáp đất ông Trần Văn Tiện, bà Phạm Thị Tươi dài 54.46 m;

Hướng Bắc giáp đất chia cho Chị Lê Cẩm T dài 55.68 m.

Đất thuộc tờ bản đồ số 30, thửa số 834, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh,

(Kèm theo Bản án là sơ đồ đất số 82/SĐ-HT ngày 06/7/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đo đạc bản đồ Bình An).

- 01 xe Yamaha Exciter biển số 70H1-143.80 đứng tên Anh Trần Minh M. Xe trị giá 24.600.000 đồng.

- 02 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 18K, hiện anh M đã bán số vàng. Vàng trị giá 11.960.000 đồng.

Anh Trần Minh M có trách nhiệm giao cho Chị Lê Cẩm T số tiền 38.344.500 đồng (ba mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2.3. Về nợ chung: Chị Lê Cẩm T đã trả xong cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thông Việt Nam chi nhánh huyện T.

3. Về chi phí thẩm định, đo đạc định giá tài sản:

Anh Trần Minh M có trách nhiệm hoàn trả cho Chị Lê Cẩm T chi phí thẩm định, đo đạc, định giá 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí:

Anh Trần Minh M phải chịu 5.046.250 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Cẩm T phải chịu 5.046.250 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp 3.962.500 đồng (ba triệu chín trăm sáu

mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0004071 ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chị Lê Cẩm T còn phải nộp 1.083.750 đồng (Một triệu không trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Anh Trần Minh M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh M đã nộp theo biên lai thu số 0004534 ngày 25/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Ghi nhận anh M nộp xong khoản này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Vân